ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ MỘ ĐỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2112 /QĐ-UBND	*Mộ Đức, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỘ ĐỨC

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ Quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố một phần Quy định Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025, Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh tiếp tục có hiệu lực;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của UBND xã Mộ Đức Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Mộ Đức;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-BQL&PTQĐ ngày 16/10/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất xã Mộ Đức về việc phê

duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư Công trình: Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-BQL&PTQĐ ngày 16/10/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất xã Mộ Đức về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Công trình: Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-BQL&PTQĐ ngày 20/10/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ xã Mộ Đức về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng Công trình: Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân;

Trên cơ sở Thông báo số 187/TB-KQTĐ ngày 28/10/2026 của phòng Kinh tế xã về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật Công trình: Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Công trình: Tuyến đường thôn Vạn Phước - Thôn Đức Tân.

2. Nhóm, Loại và cấp công trình:

2.1. Nhóm công trình: Nhóm C.

2.2. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng công trình: Thôn Vạn Phước và Thôn Đức Tân, Xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Mộ Đức.

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất xã Mộ Đức.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Tư vấn ĐT&XD Quang Trung; Mã số thuế: 4300372687.

7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật P.H.C; Mã số thuế: 4300323785.

8. Mục tiêu công trình:

Đảm bảo đáp ứng mục tiêu đầu tư đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026. Việc đầu tư xây dựng tuyến đường bảo đảm kết nối thông suốt giữa các thôn, khu dân cư, vùng sản xuất; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, vận chuyển hàng hóa, vật tư nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; tăng cường kết nối liên thôn, liên xã và kết nối các vùng sản xuất với hệ thống giao thông chính phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã Mộ Đức.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Nền, mặt đường:

- Cấp Đường: Đường GTNT loại B (Theo TCVN 10380:2014);

- Chiều dài tuyến: L= 1.273,5m.

- Tốc độ thiết kế: V=20Km/h.

- Tải trọng trục xe thiết kế: 2,5T.

- Bề rộng nền đường: B_n = 4,0m - 5,0m.

- Bề rộng mặt đường: B_m = 3,5m.

- Bề rộng lề gia cố: B_l = 0,25m*2 - 0,75m*2

- Kết cấu áo đường cứng: Bằng BTXM.

9.2. Công trình thoát nước:

- Thiết kế 01 cái cống hộp 3H(3x2,5)m:

+ Khổ cống: B=0,5+5,5+0,5 =6,5m.

+ Tần suất thiết kế: P=4%.

+ Tải trọng thiết kế: H13-X60.

- Thiết kế cống ngang và cống thủy lợi: Đảm bảo thoát nước khu vực và tưới tiêu thủy lợi.

+ Tải trọng thiết kế cống: H13-X60.

+ Khổ cống: theo khổ nền đường.

- Thiết kế cống dọc đoạn nút giao đầu tuyến về cửa xả kết hợp hố thu để thu nước mặt đường tránh ngập úng qua khu dân cư và thoát nước về cửa xả.

9.3. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế cọc tiêu, biển báo... theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

10.1. Khảo sát:

Quy trình khảo sát đường ô tô: 22TCN 263-2000; Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế TCN13346-2021; TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô, tiêu chuẩn khảo sát; TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng; Quy phạm khảo sát và tính toán thủy văn 22TCN 220-95; Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013; Quy trình khoan thăm dò địa chất TCVN 9437:2012; Đất xây dựng - phân loại: TCVN5747:1993; Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT & TCPU): TCVN 10184 : 2021; Đất xây dựng - phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT): TCVN 9351:2012; Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường: 22 TCN 355 : 06; Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông: 22TCN 242-98; Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong công tác trắc địa công trình: TCVN 9401-2012; Quy phạm đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (phần ngoài trời): 96 TCN 43-90.

10.2. Thiết kế- Thi công:

- TCVN 10380:2014: Đường GTNT - Yêu cầu thiết kế; TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông; TCCS 40:2022/TCĐBVN Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2018; Công tác đất – Quy phạm nghiệm thu và thi công TCVN 4447 – 2012; Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436 : 2012; TCVN 11823-11:2017 thiết kế cầu đường bộ: Mố, trụ và tường chắn; TCVN 8859-2023 thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm; Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật TCVN 9844-2013; Tiêu chuẩn quốc gia thi công và nghiệm thu rọ đá, thảm đá (tham khảo) TCVN 10335:2014; Ống bê tông cốt thép thoát nước TCVN 9113:2012; Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887: 2018; TCVN: 8891-2018: Sơn tín hiệu giao thông - vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo. Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử; Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2023; Công tác hoàn thiện trong xây dựng và nghiệm thu: TCXDVN 303-2006; Nghiệm thu chất lượng thi công xây dựng công trình: TCXDVN 371-2006.

- Các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật tại khu vực nghiên cứu do địa phương cũng như các cơ quan liên quan cung cấp và qua thực tế điều tra, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng của công trình: 5.948.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn)*.

Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị
1	Chi phí xây dựng	4.998.594.000
2	Chi phí quản lý dự án	139.961.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	437.345.000
4	Chi phí khác	69.803.000
5	Chi phí dự phòng	302.297.000
	Tổng cộng	**5.948.000.000**

12. Thời gian thực hiện công trình: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Mộ Đức.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành dự án.

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để Chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- KBNN Khu vực XV-PGD số 19;
- VP: PCVP, CVTH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ MỘ ĐỨC T. QUẢNG NGÃI

Nguyễn Xuân Thái